

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/05/2021

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	19	0		18	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD2	CREW: <i>Phuong - M Minh</i>	ETA: 10:30
XANH - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN PHONG	TD2					67	KHOAN	Vietnamese
2	DEMIN I.A	TD2	78	1	9		93	KHOAN	Russian
3	ĐOÀN VĂN LAN	TD2	59	1	4	80	70	GETRACO	Vietnamese
4	TRẦN VĂN ĐÔNG	TD2	56	1	6		50	GETRACO	Vietnamese
5	TRẦN CÔNG HIẾN	TD2	66	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
6	QUÁCH VĂN CƯ	TD2	76-77	2	11		67	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VĂN XUAN	TD2	55	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	71	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
9	DƯƠNG HAI BĂNG	TD2	67-68	2	8		89	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH NGỌC GIANG	TD2	74-75	2	8		72	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN BÌNH	TD2	69	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
12	VÕ ĐỨC GIAP-PVD	TD2	72-73	2	5		62	KHOAN	Vietnamese
13	HỒ THANH QUANG-PVDT	TD2	70	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ XUÂN THẮNG	TD2	57-58	2	18		80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THUẬN	TD2	63-64	2	18		74	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ HỮU HẬU	TD2	65	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ NGỌC TIẾN	TD2	61	1	7		64	DVL	Vietnamese
18	ĐỖ XUÂN HẬU	TD2	62	1	5		50	GETRACO	Vietnamese
19	TRẦN CAO MÔNG	TD2	60	1	5		57	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	24	139	1.339	80	18		
	TOTAL	19	24	139	1.339	80	18		
	WEIGHT KG			139	1.339	80			

GRAND TOAL: 1.558 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/05/2021

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+TD3	7:25	17+5	0+0		12+10	0+0	
2		P6+MRM+RP1	7:25	4+12+6	0+0+0		4+10+8	0+0+0	
3		TD3+RP3	9:25	10+9	0+0		9+13	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD5 - TD3	CREW: Phong - D Nam - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KARPUNIN A.V	TD5	85	1	16		98	KHOAN	Russian
2	NGUYEN MANH THU	TD5	73	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG XUAN THI	TD5	76	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG VAN KHAI	TD5	74-75	2	13		68	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN HOANH VU	TD5	70	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG NGOC DANH	TD5	84	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
7	LE TIEN DUNG	TD5	72	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
8	LE HUY TIEN HAI	TD5	78	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TUAN	TD5	68-69	2	7		55	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NGA	TD5	77	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
11	NG. VAN PHAT-PVDT	TD5	79	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
12	LE THANH THAI	TD5	66	1	15		105	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THE DUNG	TD5	67	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN MINH TIEN	TD5	80	1	7		89	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN QUANG ANH	TD5	71	1	8		68	ANTOAN	Vietnamese
16	HA DUC KHANH	TD5	81	1	5		68	XAY LAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HIEU	TD5	82-83	2	15		74	XAY LAP	Vietnamese
18	LE TRONG TUYEN	TD3	04	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM VIET DUNG	TD3	01	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VIET THANG	TD3	02-03	2	6		76	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN MANH-PVD	TD3	05	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
22	LUU VAN MANH-PVDT	TD3	07	1	8		58	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	17	20	129	1.240	0	12		
2	TD3	5	6	25	346	0	10		
TOTAL		22	26	154	1.586	0	22		
WEIGHT KG				154	1.586	0			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: P6 - MRM - RP1	CREW: MTHẮNG - VTHU - TSON	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ KIM SÁNG	P6	08	1	16		61	GETRACO	Vietnamese
2	PHAN VĂN HẬU	P6	09	1	5	60	70	GETRACO	Vietnamese
3	HỒ VĂN THAO	P6	10	1	3		70	GETRACO	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH HƯƠNG	P6	11	1	5		78	GETRACO	Vietnamese
5	LẠI ANH TUẤN	MRM	57-58	2	15	50	100	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN CÔNG CHIẾN	MRM	61	1	14		82	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN THẾ HỜI	MRM	53	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ VĂN GIANG	MRM	52	1	12		73	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN KỶ	MRM	67	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TRỌNG	MRM	56	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG THÁI VIỆT	MRM	59	1	10		71	DVL	Vietnamese
12	LY NHẬT TRƯỞNG	MRM	54	1	10		75	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	MRM	55	1	6		63	DVL	Vietnamese
14	HUỲNH VŨ TÍNH	MRM	62	1	10		65	DVL	Vietnamese
15	VŨ MẠNH NAM	MRM	60	1	11		82	DVL	Vietnamese
16	ĐẠO VĂN YẾN	MRM	63	1	9		61	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH BĂNG	RP1	63	1	5		83	PSV	Vietnamese
18	LÊ VĂN HIỆN	RP1	68	1	7		72	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VƯƠNG CHÍNH TÔNG	RP1	67	1	7		64	PSV	Vietnamese
20	VŨ XUÂN TIẾN	RP1	64	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU NHÂN	RP1	66	1	7		70	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN QUANG PHƯỢNG	RP1	65	1	8		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	4	4	29	279	60	4		
2	MRM	12	13	121	862	50	10		
3	RP1	6	6	39	421	0	8		
TOTAL		22	23	189	1.562	110	22		
WEIGHT KG				189	1.562	110			

GRAND TOAL: 1.861 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	TO: TD3 - RP3	CREW: Phong - D Nam - DTùng	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ SỸ HÙNG	TD3	10	1	8		69	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC THANH	TD3	08	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
4	QUÁCH THẾ ANH	TD3	12	1	12		69	KHOAN	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN QUANG	TD3	14	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ HỮU HÙNG	TD3	11	1	11		78	KHOAN	Vietnamese
7	BUI MẠNH PHÚC	TD3	13	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ TIẾN DŨNG	TD3	06	1	7		56	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH NHAN	TD3					80	KHOAN	Vietnamese
10	BUI VAN NGHIA	TD3	09	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
11	SADOVNICHENKO	TD3	15	1	12		105	KHOAN	Russian
12	NGUYỄN THANH HA	RP3	76	1	4		65	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN VỸ	RP3	78	1	5		68	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TRUNG	RP3	80	1	6		69	PSV	Vietnamese
15	TRẦN THANH HAI	RP3	79	1	3	100	63	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN DUY CHÍNH	RP3	81	1	3		56	PSV	Vietnamese
17	TRƯƠNG VĂN TOÀN	RP3	73	1	10		54	PSV	Vietnamese
18	LÊ THANH HAI	RP3	77	1	5		61	PSV	Vietnamese
19	ĐINH VĂN LƯU	RP3	74	1	5		54	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HUY HIỆU	RP3	75	1	4		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	11	9	79	827	0	9		
2	RP3	9	9	45	550	100	13		
	TOTAL	20	18	124	1.377	100	22		
	WEIGHT KG			124	1.377	100			

GRAND TOAL: 1.601 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN